

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 19/9/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Bà Vũ Thị Bền.

-Thư ký phiên tòa: Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1998; nơi ĐKKHKT: Thôn An T, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Gia L, xã Văn T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phan Trọng S, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn An T, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh S đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phan Trọng S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ

chồng anh chị vui vẻ, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không thống nhất được trong cách làm ăn cũng như sinh hoạt hàng ngày, anh S chơi bời tụ tập bạn bè, rượu chè, cờ bạc, lô đề, không quan tâm chăm lo gì cho gia đình, chị đã nhiều lần phải trả nợ cho anh, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, chị không chịu đựng được đã về nhà bố mẹ đẻ ở Gia Lộc, Văn Tố, Tứ Kỳ sinh sống từ tháng 6/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh S.

Về con chung : Chị và anh S có 01 con chung là Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019, hiện cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Phan Trọng S trình bày: Về điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mặt khác một phần do anh mãi chơi, bị bạn bè lôi kéo, bỏ bê gia đình dẫn đến nợ nần, anh cũng đã được gia đình khuyên bảo nhưng chưa thay đổi. Tháng 6/2022 chị T đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Gia Lộc, Văn Tố, Tứ Kỳ sinh sống và từ đó đến nay anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh S và chị T có một con chung là cháu Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019, hiện cháu đang sống cùng với chị T. Quan điểm của anh, nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Giáp xác định: Chị Phạm Thị T và anh Phan Trọng S kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nguyên Giáp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại quê Nguyên Giáp. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần do anh S có chút chơi bời, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Chị đã về quê mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Theo quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Hiện tại anh S, chị T có một con chung là cháu Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019, hiện nay cháu đang ở cùng với chị T, theo quan điểm của địa phương hiện anh S và chị T đều đi làm công ty có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con nhưng vì cháu Anh còn nhỏ nên giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên tòa chị T, anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phan Trọng S; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện ly hôn anh Phan Trọng S; nơi cư trú tại xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị T, anh S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phan Trọng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 03/8/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị T, lời khai của anh S, kết quả xác minh tại địa phương, xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, do tính cách hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung, do anh mãi chơi, bị bạn bè lôi kéo, chơi lô đề, cờ bạc, bỏ bê gia đình dẫn đến nợ nần, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Tháng 6/2022 chị không chịu đựng được đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau và anh, chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay anh cũng chưa có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019, hiện nay cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được chăm

sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Hồng Anh mới 36 tháng tuổi, chị T có nguyện vọng muốn được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh S không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T; Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Phan Trọng S.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phan Thị Hồng A, sinh ngày 18/9/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Phan Trọng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004544 ngày 06/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Nhân Trác